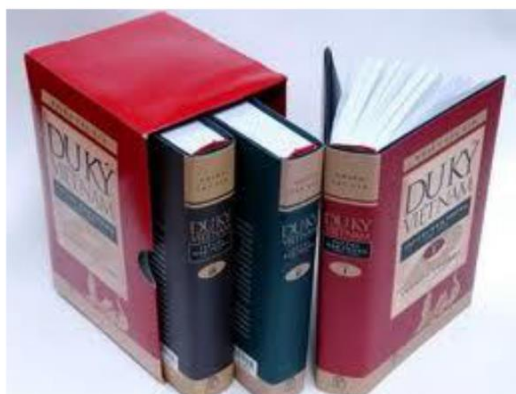


Kinh nghiệm ôn học và ôn thi đại học môn văn

Nhiều bạn học văn rất thích, nhưng ngược lại nhiều sĩ tử học văn là 1 cực hình, mấy năm nay thí sinh thi khối C, D vào các trường CD, DH khá đông, sau đây là kinh nghiệm ôn học và thi đại học môn văn của Tiến sĩ Nguyễn Quang Trung - Giáo viên Ngữ Văn, trường THPT chuyên ngữ - Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội muốn chia sẻ cùng các bạn:



Tài liệu tham khảo ôn tập môn Văn hiện rất nhiều. Trong số đó, có những vấn đề còn gây tranh cãi như: Ngày sinh của nhà văn Nam Cao, vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt” được viết năm nào... Nếu kiến thức chưa thống nhất, thí sinh nên sử dụng số liệu từ sách giáo khoa.

Điểm quan trọng nhất của môn Văn là nhớ được kiến thức, chỉ cần dựa vào tác phẩm, nhớ tác phẩm là làm bài tốt.

Học sinh có thể tham khảo phương pháp “rút xương cá”: Học Văn theo cách sơ đồ hóa. Mỗi bài, học sinh chỉ cần nhớ năm chữ và trong khoảng 10 phút có thể nhớ hết toàn bộ kiến thức môn Văn.

Ví dụ 1,

khi phân tích tính sử thi của tác phẩm “Rừng xà nu”, theo tôi, các em chỉ cần nhớ bốn từ: Chủ - Cốt - Hình - Giọng (Chủ đề, cốt truyện, hình tượng và giọng điệu sử thi trong tác phẩm).

Nếu vận dụng được phương pháp “rút xương cá” một cách hiệu quả, sẽ không bị mất các ý môn Văn và việc đạt điểm 8, hay 9 không phải "bất khả thi".

Ví dụ2 ,

phân tích hình tượng sóng trong bài “Sóng” của Xuân Quỳnh, các em chỉ cần nhớ bốn chữ: “Phức - Trăn - Khắc - Khát” (tâm trạng phức tạp, trăn trở, khắc khoải và khát khao của người phụ nữ đang yêu). Từ đó, phát triển ý của bài văn.

Thí sinh không nên dẫn dắt vòng vèo, lan man, mất thời gian và gây ức chế cho người chấm.

Kinh nghiệm làm bài môn Văn

Cô Nguyễn Thị Phương Liên, nguyên giáo viên chuyên Văn trường THPT chuyên Lê Hồng Phong (Q.5, TP.HCM), hiện đang tham gia giảng dạy tại trường ĐH Kiến trúc TP.HCM:

Không nên học tủ

- Không nên căng thẳng quá và đặc biệt là không nên tin vào những tin đồn trên internet về đề thi, tránh học tủ, đoán mò, phải tập trung tinh thần để có cảm hứng viết bài. Ngoài ra, không nên loại trừ đề thi trong ba năm gần đây, không nghiêng hẳn về một thể loại văn xuôi hoặc thơ mà phải ôn tập cả hai.

Đề thi có ba yêu cầu: nội dung, phương pháp và tư liệu. Khi cầm đề thi, TS phải chú ý yêu cầu phân tích của đề về tác phẩm, tránh viết lan man. Nhiều TS học rất nhiều, ôm đồm kiến thức mà không biết ứng dụng nó vào trường hợp thực tế, dẫn đến tình trạng làm bài dư thừa, dài dòng. Nhiều trường hợp TS biên bài phân tích một đoạn trích, một khía cạnh của tác phẩm thành bài phân tích cả tác phẩm. Những trường hợp "phăng" ý không có cơ sở và chép nguyên si bài giảng của thầy cô trong lớp về các tác phẩm thường bị dưới điểm trung bình vì không bám sát đề.

Cấu trúc đề thi thường có ba câu bao gồm: phần lý thuyết và phần tự luận. Câu lý thuyết mang tính kiểm tra kiến thức, thường chiếm 2 điểm. Hai câu còn lại kiểm tra sự cảm thụ tác phẩm, cách lập luận và kỹ năng làm bài của TS. Yêu cầu chung với câu lý thuyết là trả lời đúng yêu cầu của đề thi, ngắn gọn, rõ ràng và đủ ý. Với những câu tự luận, TS nên trình bày đúng bố cục mở bài, thân bài, kết bài. Phần thân bài nên chú ý lập luận chặt chẽ, rõ ràng, nên viết ra giấy nháp dàn ý đề cương phần thân bài, chia các ý lớn theo trình tự lập luận.

Về cách trình bày, nên chú ý những lỗi chính tả (dấu hỏi, dấu ngã, các âm cuối), lỗi viết hoa... Chẳng hạn cách viết bài thơ Thu Điếu, Tràng Giang là sai, mà phải là Thu điếu, Tràng giang.

Một điều không kém phần quan trọng mà nhiều TS thường bị mất điểm là không biết cách đưa dẫn chứng vào bài làm. Dẫn chứng đưa vào bài phải chính xác (dẫn chứng đúng yêu cầu của luận điểm cần chứng minh, phân tích), gọn (làm nổi bật luận điểm vấn đề cần phân tích) và phải tiêu biểu. Đối với văn xuôi, TS có thể dẫn

chứng nguyên văn hoặc tóm lược dẫn chứng, nhưng không được kể chuyện. Tốt nhất là xen kẽ tóm lược dẫn chứng với những lời bình luận, phân tích.

Bí quyết “ăn điểm” môn Văn.

1. Trích dẫn không được “sáng tạo”

Đối với câu hỏi lý thuyết, không cần phải nhớ đúng và chính xác từng ly từng chữ hoặc từng con số như các công thức Toán học, bạn chỉ cần nắm những ý chính về phong cách nghệ thuật, ý nghĩa và nội dung tác phẩm. Riêng phần tiểu sử các tác giả, bạn cần nhớ chính xác quê quán, năm sinh năm mất một cách chính xác và tránh lầm lẫn tác giả này với tác giả khác.

Đối với phần tập làm văn, khi trích dẫn thơ và dẫn chứng, bạn không được phép "sáng tạo" thêm những câu chữ khác vào đó. Từng câu, từng chữ đều phải chính xác. Do đó, khi phân tích truyện ngắn, bạn phải chắc chắn mình đã thuộc nằm lòng tất cả các dẫn chứng trong bài.

2. Trình bày sạch sẽ, dễ nhìn

Một bài văn được viết và trình bày sạch sẽ dễ gây cảm tình với người chấm hơn. Ngay cả khi chữ viết của bạn không được đẹp cho lắm thì bạn cũng nên chú ý đến cách trình bày, khi viết sai đừng lấy bút mà tô đen thùì lùì vào đấy, sẽ làm...mất mĩ quan bài viết của bạn, chỉ cần gạch một gạch ngang qua thôi là được rồi.

3. Tránh phân tích lạc đề

Đây là một lỗi mà thí sinh hay mắc phải khi đọc không kỹ đề. Thông thường, chúng ta thường nhầm lẫn giữa phân tích tác phẩm với phân tích nhân vật, giữa phân tích phong cách nghệ thuật và phân tích toàn bài thơ.

4. Đừng ngại sáng tạo

Sự sáng tạo trong các bài làm văn luôn được thầy cô đánh giá và cho điểm cao. Sáng tạo là phát hiện sâu hơn, mới hơn, soi sáng thêm chủ đề của tác phẩm. Nhưng những phát hiện ấy phải có cơ sở, lập luận chặt chẽ chứ không phải là tùy tiện phát biểu những cảm xúc của mình.

Thạc sĩ Phạm Hữu Cường, giảng viên Đại học Quốc gia Hà Nội - chia sẻ một số bí quyết ôn và thi tốt môn Văn học trong kì thi đại học, cao đẳng.

1. Chọn thầy học, chọn sách đọc

Chỉ những người có năng lực đặc biệt xuất sắc mới có khả năng tự học và đạt hiệu quả như mong muốn. Hầu hết thí sinh dự thi đại học và cao đẳng không có được năng lực ấy.

Vì vậy, các em cần sự hướng dẫn của những cuốn sách tốt, những thầy cô giỏi, có trách nhiệm và giàu kinh nghiệm. Hiện nay, tài liệu tham khảo và luyện thi tràn ngập thị trường. Để mua được sách tốt, các em nên nhờ thầy cô có uy tín giới thiệu. Khi đọc tài liệu tham khảo, các em nên ghi chép, suy nghĩ, tán thành, hoặc phản đối, bởi không phải mọi kiến thức trong sách vở đều đúng. Những thắc mắc, nghi ngờ, nên ghi lại để hỏi cho rõ. Tất nhiên, việc đọc tài liệu tham khảo là cần thiết, nhưng không thể thay thế được việc nghe giảng trên lớp. Nếu được thầy cô giỏi, tâm huyết giảng dạy và hướng dẫn, các em sẽ thấy văn học hấp dẫn và thú vị hơn, hiểu vấn đề sâu sắc hơn...

Nếu học ở các trung tâm luyện thi, các em nên tìm học những người có khả năng trang bị một hệ thống phương pháp, kĩ năng, chứ không nên quá thiên về chi tiết bài giảng.

2. Tham khảo đề thi, đáp án, biểu điểm

Các em nên tham khảo đề thi, đáp án, biểu điểm chính thức và dự bị những năm trước của Bộ GD&ĐT. Nó sẽ giúp học sinh có một định hướng rõ ràng hơn trong việc ôn tập và làm bài thi.

Khi đọc những tài liệu này, cần lưu ý đến điểm số dành cho từng ý; tại sao ý này điểm nhiều, ý kia điểm ít; cũng như trình tự sắp xếp các ý, phạm vi dẫn chứng...

Các em cũng nên học hỏi cách làm bài, kiến thức, cách mở bài, kết bài, triển khai ý, cách chuyển ý, trình bày, diễn đạt... qua những bài văn đạt điểm cao trong các kì thi đại học trước đó, đồng thời so sánh các bài viết này với đáp án và biểu điểm của Bộ, xem bài làm thiếu ý nào, có ý nào mới hơn, tại sao lại được điểm cao như thế...

Các em có thể tìm thấy các tài liệu này tại địa chỉ sau: <http://ts.edu.net.vn> của Bộ GD&ĐT.

3. Không học tủ, nhưng cần có trọng tâm

Đề thi môn Văn thường kiểm tra toàn diện kiến thức văn học sử (về giai đoạn văn học 1945 - 1975 và 5 tác giả), cũng như tác phẩm văn học cả trước và sau Cách mạng, cả thơ và văn, thậm chí cả kịch (như chương trình phân ban), đồng thời kiểm tra toàn diện các kỹ năng tóm tắt, bình giảng, phân tích, so sánh, giải thích, chứng minh...

Trước đây, dung lượng kiến thức văn học lãng mạn và văn học hiện thực trước Cách mạng chỉ chiếm khoảng 30% (câu 3 điểm), nhưng trong đề thi của khối D, M các năm 2002 và 2007 đã chiếm tới 50% (câu 5 điểm).

Vì vậy, các em nên cố gắng ôn tập đều ở tất cả các phần, các bài trong chương trình thi, không nên học tủ. Với cách ra đề phân thành nhiều câu, nhiều phần như chủ trương của Bộ, thi học tủ là rất nguy hiểm. Tuy vậy, các em vẫn nên ôn tập có trọng tâm, trọng điểm.

Bên cạnh ôn tập kiến thức, cần rèn luyện kỹ năng làm các kiểu bài tóm tắt về tác giả, tác phẩm và giai đoạn văn học; kỹ năng phân tích văn xuôi và bình giảng thơ; kỹ năng phân tích đề, tìm ý, triển khai ý, mở bài, kết bài, chuyển đoạn, trình bày, diễn đạt...

Cần bám sát chương trình của Bộ và sách giáo khoa, vì đó là văn bản pháp quy của nhà nước, mà đề thi không được nằm ngoài. Lưu ý rằng tất cả những gì có trong sách giáo khoa đều có thể thi.

4. Khám phá tác phẩm trong các môi liên hệ

* Các môi liên hệ bên ngoài:

Tác phẩm văn học là đứa con tinh thần của nhà văn, nhưng cũng là con đẻ của hoàn cảnh lịch sử, thời đại, là nơi ghi dấu ấn tâm hồn, tư tưởng, tài năng và tâm huyết nhà văn trong một thời điểm nhất định. Muốn nắm bắt, cần phải biết tác phẩm đó gắn liền với hoàn cảnh lịch sử nào.

Ở đây, môn văn gián tiếp đòi hỏi thí sinh phải có kiến thức về lịch sử, nếu không khó mà phân tích đúng. Vì vậy, các em cần nắm chắc hoàn cảnh ra đời, ý nghĩa nhan đề và kết cấu cảm hứng để hiểu sâu và chính xác về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật tác phẩm, đồng thời qua tác phẩm phải thấy được cả hiện thực thời đại mà nhà văn sống và sáng tác.

“Qua nhà thơ, người ta tìm thấy tâm cỡ thời đại” (Jiri Worlker). Nếu không ra đời vào mùa xuân năm 1948, thời điểm mà vấn đề “nhận đường” (Nguyễn Đình Thi), vấn đề “lột xác” (Nguyễn Tuân) đang đặt ra một cách gay gắt đối với các văn nghệ sĩ trí thức tiểu tư sản lớp trước, thì “Đôi mắt” sẽ không phải là tuyên ngôn nghệ thuật của một thế hệ nhà văn đi theo kháng chiến như Nam Cao, Tô Hoài.

Mặt khác, cần tránh xu hướng xã hội học dung tục, chỉ tìm thấy ở văn chương những ý nghĩa xã hội và đạo đức. Chẳng hạn, không nên hiểu dòng thơ “Son thôn thiếu nữ ma bao túc”(Chiều tối - Hồ Chí Minh) là “tố cáo chế độ Quốc dân đảng bóc lột sức lao động của trẻ em”, hoặc dòng thơ “Quần tinh ủng nguyệt thương thu san” (Giải đi sớm - Hồ Chí Minh) là “nhân dân ủng hộ lãnh tụ” hay “bọn lính áp giải vây quanh người tù cô đơn nơi đất khách” như có người từng hiểu...

Để hiểu sâu sắc và chính xác về tác phẩm, cần đặt nó trong mối liên hệ với quan điểm sáng tác, tư tưởng và phong cách nghệ thuật của nhà văn. Chỉ khi liên hệ với quan niệm về người tài của Nguyễn Tuân, mới hiểu được tại sao Huân Cao và ông lái đò sông Đà lại được nhà văn ngợi ca là những người tài hoa, nghệ sĩ hơn đời.

“Thơ duyên” chính là hiện thân cho quan điểm “Đề tâm hồn ràng buộc bởi muôn dây/ Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến” của Xuân Diệu, còn "Hai đứa trẻ" là sự thực thi thiên chức của một nhà văn luôn khát khao “nâng đỡ cái tốt đẹp để trong đời có nhiều công bằng hơn, yêu thương hơn”

Khi tìm hiểu một tác phẩm cũng phải đặt nó trong mối liên hệ mật thiết với giai đoạn văn học, trào lưu văn học, thời kỳ hoặc phương pháp sáng tác. Chẳng hạn, khi tìm hiểu các bài thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử và Thâm Tâm, cần đặt chúng trong đặc điểm tư tưởng nghệ thuật của phong trào Thơ Mới lãng mạn 1932 - 1945.

Cần lưu ý các tác phẩm Hai đứa trẻ, Chữ người tử tù...được sáng tác theo phương pháp lãng mạn nhưng vẫn có một cảm quan hiện thực sâu sắc.

* Các mối liên hệ bên trong:

Mỗi tác phẩm văn chương thường có hai phần nổi bật: nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Hai phần này thường thông nhất với nhau. Tìm hiểu nội dung là nhằm chỉ ra tư tưởng và quan niệm của nhà văn về con người và cuộc sống, tìm hiểu hình thức là để chỉ ra tài năng nghệ thuật của nhà văn, cũng như sự thống nhất và phù hợp của hình thức với nội dung.

Rất ít khi đề thi yêu cầu trực tiếp là làm rõ hai mặt này. Tuy nhiên, trên thực tế, để giải quyết vấn đề nào đó của đề thi, trong quá trình đi vào nội dung nhất thiết phải trình bày nội dung đó được biểu đạt bằng những phương tiện nghệ thuật nào, tìm sự hài hoà giữa nội dung và hình thức, giữa ý nghĩa tư tưởng và giá trị nghệ thuật.

Nên từ hình thức tìm ra nội dung và tránh diễn xuôi tác phẩm, văn thơ. Để diễn tả những cung bậc của một tình yêu trong xa xôi cách trở với nỗi nhớ mong “cả trong mơ còn thức”, với niềm lo nghĩ, với tình cảm thủy chung, tha thiết, chân thành và cả niềm tin mãnh liệt vào sức mình trong việc vượt qua những xa xôi, cách trở, mắt còn... để đến với người mình yêu, Xuân Quỳnh đã mượn hình ảnh sóng xa bờ, nhớ bờ, đồng thời sử dụng thể thơ 5 chữ với lối ngắt nhịp cân đối, âm điệu hài hòa.

Nhịp điệu của bài thơ chính là nhịp điệu của một cõi lòng đang bị cơn sóng tình yêu khuấy động.

Thế giới nghệ thuật của tác phẩm là thế giới hình tượng do nhà văn sáng tạo ra, có quy luật riêng, thang bậc giá trị riêng, thời gian và không gian nghệ thuật riêng.

Vì vậy khi tìm hiểu tác phẩm, không được đồng nhất nó với thế giới thực tại ngoài đời, ngay cả khi nhân vật được xây dựng từ một nguyên mẫu có thật như Hoàng đế An nam trong “Vi hành”, Hoàng trong “Đôi mắt”, Đào trong “Mùa lạc”, Huân Cao trong “Chữ người tử tù”...

“Mọi chân lí sẽ trở nên sai lầm, nếu chúng ta cứ xét đoán nó trên cơ sở của những kinh nghiệm hàng ngày” (Ph. Ăngghen). Chân lí nghệ thuật trong tác phẩm văn học cũng vậy.

Thế giới hình tượng trong tác phẩm được xây dựng nên từ các chi tiết nghệ thuật. Tìm hiểu tác phẩm phải luôn xuất phát từ chi tiết. Mỗi chi tiết trong tác phẩm là một ô cửa mở ra cả một thế giới, là những “chi tiết mang thai” (Hêghen), bởi nó có khả năng sinh nở ra những ý nghĩa mới.

Tài năng của một nhà văn lớn bao giờ cũng được làm nên từ những chi tiết nhỏ. Vì vậy, về văn xuôi, các em nhất định phải nắm được diễn biến câu chuyện, cách kể và giọng điệu của nhà văn, nhân vật trung tâm và những chi tiết, sự kiện xoay quanh nhân vật trung tâm đó.

Về thơ, phải nắm được cảm hứng chủ đạo của nhà thơ, kết cấu cảm hứng của bài thơ, đoạn thơ, những chi tiết, hình ảnh mà nhà thơ sử dụng để bộc lộ cảm xúc.

Về kịch, phải nắm được những mâu thuẫn, xung đột, các lời thoại quan trọng... Từ các chi tiết nghệ thuật ấy, tìm ra tư tưởng và tình cảm mà nhà văn gửi gắm cũng như tài năng nghệ thuật của nhà văn.

Chẳng hạn, “Đào đã đứng tựa cột buong, cả thân người trên bị mái gianh che tối” là một chi tiết thể hiện cái nhìn tinh tế và nhân ái của nhà văn. Nguyễn Khải đã dùng bóng tối của mái gianh để che đi cái xấu xí, thua thiệt trong ngoại hình của Đào, đồng thời làm nổi bật hơn vẻ đẹp của niềm khát khao hạnh phúc.

Không nên bỏ qua các chi tiết quan trọng, cũng không nên quá sa đà vào phân tích chi tiết, để tránh tình trạng chỉ thấy cây mà không thấy rừng.

Thực hiện phương châm tăng cường chất văn trong việc dạy và học văn, cũng cần bám sát văn bản ngôn từ và thế giới hình tượng của tác phẩm, chú ý giọng điệu, kết cấu tác phẩm.

Chẳng hạn bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử được kết cấu toàn bằng những lời ước hỏi, ba khổ thơ là ba câu hỏi liên tiếp, nên bài thơ sẽ chủ yếu thể hiện niềm băn khoăn day dứt của con người, khát vọng chủ quan của nhà thơ chứ không chỉ là vấn đề “vịnh cảnh hay tỏ tình”.

5. Ôn tập theo vấn đề và nhóm tác phẩm

Những tác phẩm trong nhóm thường phải có chung một hoặc một số điểm tương đồng, chẳng hạn cùng chung đề tài (về đất nước, về người lính, về người phụ nữ, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng...), chung thể loại (truyện ngắn, thơ...), chung giai đoạn sáng tác (từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945, từ năm 1945 đến 1975)...

Ôn tập theo hướng này, các em sẽ có thể giải quyết tốt được cả hai dạng: đề đơn (đề cập tới một tác phẩm) và đề tổng hợp (đề cập tới nhiều tác phẩm).

Các em nên tập trung vào các nhóm tác phẩm sau đây:

5.1 Nhóm các tác phẩm thể hiện đề tài và cảm hứng về đất nước: Tuyên ngôn độc lập, Bên kia sông Đuống, Tiếng hát con tàu, Đất nước của Nguyễn Đình Thi, trích đoạn Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm...

5.2 Nhóm các tác phẩm thể hiện đề tài và cảm hứng về nhân dân: Tuyên ngôn độc lập, Đôi mắt, Việt Bắc, Tiếng hát con tàu, trích đoạn Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm...

5.3 Nhóm các tác phẩm thể hiện cảm hứng nhân đạo: Hai đứa trẻ, Chí Phèo, Đòi thừa, Vợ chồng A Phủ, Vợ nhặt, Mùa lạc, Các vị La Hán chùa Tây phương...

5.4 Nhóm các tác phẩm thể hiện cảm hứng nhân văn: Chữ người tử tù, Người lái đò sông Đà...

5.5 Nhóm các tác phẩm thể hiện đề tài và cảm hứng về người lính: Tây Tiến, Rừng xà nu, Mảnh trăng cuối rừng, Những đứa con trong gia đình...

Cần lưu ý là nhóm các tác phẩm này thường thể hiện rất nổi bật cảm hứng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước, khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

5.6 Nhóm các tác phẩm thể hiện bản lĩnh, khát vọng và vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản trong những hoàn cảnh thử thách khắc nghiệt của chốn ngục tù: Tâm tư trong tù, Mộ, Tảo giải... hoặc khi mới được trả tự do: Tân xuất ngục, học đăng sơn.

5.7 Nhóm các tác phẩm thể hiện đề tài và cảm hứng về thân phận, khát vọng và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ: Đòi thừa, Vợ chồng A Phủ, Vợ nhặt, Mùa lạc, Sóng...

5.8 Nhóm các tác phẩm thể hiện nỗi nhớ và thái độ ân tình ân nghĩa với quá khứ: Tây Tiến, Bên kia sông Đuống, Việt Bắc, Kính gửi cụ Nguyễn Du, Tiếng hát con tàu, Đất nước của Nguyễn Đình Thi.

5.9 Nhóm các tác phẩm thể hiện sức mạnh của tiếng cười châm biếm trào phúng: Vi hành và trích đoạn Hạnh phúc của một tang gia.

5.10 Nhóm các tác phẩm thể hiện tuyên ngôn nghệ thuật của nhà văn: Đòi thừa, Đôi mắt, Tiếng hát con tàu, Vũ Như Tô, Chiếc thuyền ngoài xa...

5.11 Nhóm các tác phẩm xây dựng thành công tình huống truyện độc đáo, giàu ý nghĩa: Chữ người tử tù, Vi hành, Vợ nhặt, Mảnh trăng cuối rừng, Chiếc thuyền ngoài xa...

5.12 Nhóm các tác phẩm thể hiện đề tài và cảm hứng về Tây Bắc: Tây Tiến, Vợ chồng A Phủ, Tiếng hát con tàu, Mùa lạc, Người lái đò sông Đà...

5.13 Nhóm các tác phẩm thể hiện tâm trạng và khát vọng của cái Tôi Thơ Mới: Đây mùa thu tới, Vội vàng, Thơ duyên, Tràng giang, Đây thôn Vĩ dạ, Tống biệt hành...

Ở các tác phẩm này cũng như các tác phẩm văn học lãng mạn khác, cần lưu ý “nỗi đau khổ của người dân mất nước, sự quẫn quai của tâm hồn bị bóp nghẹt, lòng khao khát một cuộc sống chân thật, tự do” (Trương Chính – Bài nói tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 2 năm 1957), và lòng yêu nước kín đáo, tinh thần dân tộc thấm thía được biểu hiện qua lòng yêu tiếng mẹ đẻ:

“Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu Tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng” (Hoài Thanh - Thi nhân Việt nam - 1941).

Sau khi tập hợp các tác phẩm thành từng nhóm, cần phải phát hiện được:

- Những nét độc đáo của tác phẩm này so với tác phẩm khác.
- Những nét chung của tác phẩm trong nhóm.

Chẳng hạn, cùng viết về đất nước quê hương nhưng “Bên kia sông Đuống” của Hoàng Cầm, “Đất nước” của Nguyễn Đình Thi và trích đoạn “Đất nước” của Nguyễn Khoa Điềm vẫn có những khám phá, cảm nhận và thể hiện riêng, với những sắc thái tình cảm riêng.

Hoàng Cầm đau đớn, nhớ tiếc, “xót xa như rụng bàn tay” trước một miền quê cụ thể có vẻ đẹp cổ kính và truyền thống văn hóa nghệ thuật lâu đời đang bị kẻ thù chiếm đóng, hủy hoại;

Nguyễn Đình Thi tự hào, hãnh diện trước một đất nước mới hồi sinh tự do “tươi thắm vô ngần”, sau khi trải qua những ngày nô lệ, đau thương;

Nguyễn Khoa Điềm lại tự hào về một đất nước “của nhân dân, đất nước của ca dao thần thoại”, một đất nước do những người “không ai nhớ mặt đặt tên” hóa thân mà thành, do nhân dân vô danh gìn giữ, dựng xây và truyền lại cho các thế hệ sau.

Một số đề chung cho các nhóm tác phẩm trên thường được nêu ở những trang cuối cùng của sách giáo khoa cải cách giáo dục, trong phần Hướng dẫn ôn tập cuối năm, hoặc phần bài tập nâng cao ở cuối mỗi bài học trong sách giáo khoa phân ban.

6. Học văn theo ý, kết hợp tư duy và tái hiện

Bài văn hay, đạt điểm cao, thậm chí điểm tuyệt đối là bài văn có một hệ thống ý đầy đủ, sáng tạo, chặt chẽ, đáp ứng toàn diện yêu cầu của đề, được thể hiện qua một hình thức trình bày và diễn đạt chính xác, trong sáng, rõ ràng, tinh tế, khéo léo, có hình ảnh và cảm xúc.

Các giám khảo chấm bài thi cũng phải so sánh giữa hệ thống ý của bài văn và hệ thống ý mà Bộ GD&ĐT đề ra trong đáp án và biểu điểm chấm thi để cho điểm. Vì vậy, khi học văn, các em cần tránh học vẹt, mà nên học theo ý (theo luận điểm).

Cần nhớ số lượng ý lớn, ý nhỏ trong từng bài, từng đề, rồi mới nhớ nội dung của từng ý, từng luận điểm. Học theo ý, mới có thể dễ nhớ, nhớ lâu và sâu sắc.

Khi làm bài, các em nên diễn đạt lại những ý đó theo cách của mình. Những bài văn mẫu, những bài giảng các thầy, các cô cho ghi, dù hay đến đâu, cũng chỉ nên coi như 1 tài liệu tham khảo cách diễn đạt. hoặc xem lại ý khi quên.

Nói như người xưa, ý là “bột”, bài văn là “hồ”, còn quá trình diễn đạt ý thành bài là “gột”. “Có bột mới gột nên hồ”.

Giống như quá trình tư duy, quá trình nhận thức của con người, khi học và làm văn, cũng cần qua 3 bước là HIỂU - NHỚ - VẬN DỤNG. Muốn vận dụng được kiến thức đã học vào bài làm văn, cần phải nhớ và hiểu được những kiến thức ấy.

Muốn nhớ được kiến thức thì trước hết phải hiểu nó. Muốn hiểu thì phải chịu khó tìm tòi, suy nghĩ, đọc tài liệu tham khảo, chăm chú nghe giảng bằng tất cả niềm say mê, tâm huyết của mình, giống như niềm đam mê của nhân vật Hộ trong “Đời thừa” của Nam Cao: “Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán!”...

Học văn không phải là cắm đầu ghi cho đầy vở, mà là phải hiểu, nhớ và ghi lại các ý hay, các luận điểm quan trọng. Nếu tìm được thầy dạy giỏi, hay, hấp dẫn, tâm huyết... các em có thể nhớ được ít nhất 90% kiến thức ngay trên lớp, về nhà chỉ cần học thêm khoảng 10% và xem lại những kiến thức nắm chưa thật chắc.

Gặp những vấn đề chưa hiểu, các em cứ mạnh dạn hỏi, chắc chắn không thầy cô nào từ chối, dù họ có bận và mệt đến đâu.

Kiến thức càng sắp xếp khoa học, chặt chẽ, rành mạch bao nhiêu, càng dễ nhớ bấy nhiêu. Để tránh học vẹt, khi học văn, các em không nên cầm sách học thuộc lòng, mà nên học theo phương pháp tái hiện.

Sau giờ học trên lớp, hãy dành thời gian tĩnh tâm (khoảng 20 - 30 phút) để nhớ lại kiến thức vừa học, nhất là hệ thống ý lớn, ý nhỏ. Sau đó mới mở sách ra kiểm tra lại. Ý nào mình chưa nhớ được thì cần phải học ngay.

Học theo cách này, các em có thể học ở bất kì đâu, thậm chí không cần sách vở. Nếu có bạn cùng học, hai người kiểm tra kiến thức cho nhau là tốt nhất. Việc hệ thống kiến thức theo các bảng, theo các nhánh cây, các mô hình, và việc liên hệ giữa văn học với cuộc sống, nhất là cuộc sống của bản thân cũng giúp các em nhớ kiến thức lâu và sâu sắc.

Sau khi đã hiểu và nhớ kiến thức, cần vận dụng lại kiến thức bằng cách làm bài tập, hoặc giải đề thi thử, giải lại một đề đã thi... Dù có học văn - tiếng Việt 12 năm, nhưng cuối cùng của việc thi đại học, cao đẳng vẫn chỉ là viết 3 bài văn nhỏ theo yêu cầu của 1 đề thi trong vòng 180 phút. Vì vậy không gì tốt hơn là tập viết bài theo yêu cầu của đề thi đại học. Các em có thể tự xây dựng đáp án, biểu điểm, tự chấm bài cho nhau, hoặc nhờ ai đó chấm.

Để dễ nhớ dẫn chứng và học văn đạt kết quả tốt, cần đọc tác phẩm. Các em nên đọc trước khi bài được học trên lớp, khi chưa hề nghe giảng, đọc bằng một văn bản hoàn toàn mới, chưa hề có ai đánh dấu.

Điều này rất quan trọng, bởi những ấn tượng ban đầu của các em khi tiếp xúc với tác phẩm sẽ được nhớ rất lâu, và giúp định hướng hiểu tác phẩm.

Các em nên đọc tác phẩm và học văn vào sáng sớm, khi đọc, nên đánh dấu lại những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ mà mình cho là quan trọng, hoặc thấy hay, thấy có ý nghĩa và xúc động, đồng thời ghi nhớ luôn các chi tiết ấy vào não để vận dụng lại vào bài viết sau này.

Nhìn chung, để học văn đạt hiệu quả cao, các em phải học văn bằng chính cái đầu và trái tim của mình, tự tìm một con đường đi cho riêng mình. Giáo viên là người hướng dẫn, dìu dắt, đồng thời đánh giá, thẩm định kết quả, chứ không làm thay, học thay, nghĩ hộ các em được.

Nếu tuân thủ tốt các "tuyệt chiêu" dưới đây, các em sẽ có được một bài thi đại học môn văn đạt kết quả rất cao, thậm chí đạt điểm tuyệt đối.

Một bài văn thực sự đạt kết quả tốt, cần đáp ứng được các yêu cầu về nội dung của đề bài (như kiểu bài, các kĩ năng và thao tác nghị luận, kiến thức, phạm vi dẫn chứng...) và yêu cầu về hình thức (trình bày, diễn đạt...).

1. Nắm vững cấu trúc và mức độ của đề thi

Trong tài liệu phục vụ việc ra đề thi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, ở phần II - Về cấu trúc và mức độ yêu cầu của đề thi - Bộ GD&ĐT có khuyến nghị:

"Nên chia đề thi thành nhiều phần để tiện kiểm tra về kiến thức và kĩ năng được rộng hơn và nhất là để việc chấm thi được chính xác và thuận lợi hơn. Đề thi cần ghi rõ số điểm dành cho từng phần.

Ngoài những đề yêu cầu trình bày sự cảm nhận, phân tích... liên quan đến một tác phẩm (hoặc một khía cạnh, một đoạn trích... của tác phẩm), cần có những đề tổng hợp yêu cầu vận dụng sự hiểu biết về nhiều tác phẩm.

Không nên ra những đề quá khó và nhất là cần tránh những đề thí sinh có thể sao chép tài liệu một cách dễ dàng" (trang 74).

Kì thi đại học, cao đẳng năm 2008, đối với môn Văn, Bộ GD&ĐT chủ trương vẫn tiếp tục thi đề tự luận. Việc chia nhỏ đề thi thành nhiều câu nhằm kiểm tra được nhiều phạm vi kiến thức và nhiều kĩ năng hơn.

Đề thi tuyển sinh (đề chung) vào các trường đại học và cao đẳng môn văn, theo lộ trình đổi mới giáo dục và cải tiến thi cử, đánh giá của Bộ GD&ĐT, năm 2008, về cơ bản, có kết cấu gồm 2 phần với 3 câu hỏi.

Phần chung cho tất cả thí sinh, gồm câu I và câu II. Phần tự chọn gồm câu IIIa dành cho chương trình chưa phân ban và câu IIIb dành cho chương trình phân ban thí điểm.

Thí sinh chỉ được chọn làm một trong hai câu này, không nhất thiết phải theo đúng ban mình đã theo học, nhưng không được làm cả hai câu. Trường hợp làm cả hai câu, sẽ bị hủy phần bài làm này,

a. Câu I, thường 2 điểm, nhằm kiểm tra kiến thức cơ bản, phổ thông và khái quát nhất như:

- Trình bày ngắn gọn, hoặc tóm tắt những đặc điểm chính về con người, cuộc đời của một nhà văn.
- Trình bày ngắn gọn, hoặc tóm tắt sự nghiệp văn học của một tác giả.
- Trình bày ngắn gọn, hoặc tóm tắt quan điểm sáng tác văn học (quan điểm nghệ thuật) của một tác giả (chỉ có ở 2 tác giả Nam Cao và Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh).
- Trình bày những nét chính trong phong cách nghệ thuật của một tác giả (chỉ có ở 3 tác giả Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Nguyễn Tuân và Tố Hữu).
- Trình bày ngắn gọn, hoặc tóm tắt hoàn cảnh ra đời của một tác phẩm.
- Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm.
- Khái quát ngắn gọn giá trị tư tưởng nghệ thuật, nhất là giá trị nhân đạo, của một tác phẩm.
- Nêu hoặc phân tích ngắn gọn nhưng đặc điểm và thành tựu chính của giai đoạn văn học 1945 - 1975.

Ở câu này, mấy năm trước, đáp án của Bộ cho phép thí sinh trả lời theo hình thức gạch đầu dòng. Nhưng tôi khuyên các em không nên viết theo cách ấy vì tâm lý người chấm thi môn văn đánh giá rất thấp kiểu viết gạch đầu dòng.

b. Câu II, thường 5 điểm, hay kiểm tra năng lực cảm thụ văn xuôi, phân tích nhân vật, tác phẩm văn xuôi hoặc một vấn đề văn học sử hay lí luận văn học nào đó.

Ví dụ câu 2 đề khối D năm 2007, yêu cầu phân tích vẻ đẹp vừa cổ điển vừa hiện đại của bài thơ Tràng giang (Huy Cận).

c. Câu IIIa và IIIb, thường 3 điểm, nhằm kiểm tra năng lực cảm thụ thơ, phân tích hoặc bình giảng 1 khổ hoặc 1 đoạn thơ ngắn, như câu 3 đề khối C năm 2007,

yêu cầu cảm thụ 10 dòng đầu bài thơ Tống biệt hành của Thâm Tâm.

Cũng có thể yêu cầu phân tích một hình tượng nhỏ như hình tượng ánh trăng, hình tượng rừng xà nu, cây xà nu trong Rừng xà nu.

Nếu làm tốt, các em có thể đạt điểm tuyệt đối ở câu I, nhưng để đạt được số điểm trọn vẹn ở câu II và câu IIIa, IIIb thì vô cùng khó, nếu như không muốn nói là không thể, trừ số ít thí sinh rất xuất sắc.

Ngoài ra, không loại trừ trường hợp đề thi sẽ bớt điểm số ở câu 2 hoặc câu 3 để có thêm một câu hỏi (câu 4, làm trong thời gian 18 phút) khoảng 1 điểm, nhằm phân hóa trình độ thí sinh.

Câu hỏi này sẽ khó hơn, đòi hỏi thí sinh phải có năng lực tư duy và diễn đạt. Chẳng hạn: So với trước Cách mạng, phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân sau Cách mạng có biến đổi nào đáng chú ý? Vì sao Nguyễn Tuân lại tìm đến thể loại tùy bút như một điều tất yếu.

2. Xác định đầy đủ, chính xác yêu cầu của đề

Trước khi làm bài, các em cần đọc kỹ đề và xác định đầy đủ yêu cầu của đề thi về các phương diện như kiểu bài: xác định xem đề bài yêu cầu sử dụng kỹ năng nghị luận nào: trình bày, giải thích, chứng minh, bình giảng, phân tích, so sánh hay kiểu bài tổng hợp đòi hỏi kết hợp nhiều kỹ năng nghị luận);

Đối tượng và nội dung nghị luận: Đề bài yêu cầu giải quyết vấn đề gì?;

Phạm vi kiến thức và dẫn chứng: Để giải quyết vấn đề đó, cần huy động và sử dụng những kiến thức và dẫn chứng nào cho phù hợp và có sức thuyết phục cao nhất);

Đồng thời, các em xác định nội dung và hình thức trình bày bài viết. Điều này sẽ giúp bài văn không bị lạc đề, xa đề.

Các em nên xác định yêu cầu của đề thi trong thời gian nhanh nhất, để dành thời gian làm bài. Phải cố gắng làm hết tất cả các câu trong yêu cầu của đề bài, không được bỏ sót ý nào, dù là nhỏ nhất.

Nếu bỏ 1 câu, thì 2 câu còn lại có làm tốt đến đâu đi nữa, điểm số của bài vẫn thấp hơn khi làm đủ 3 câu, dù các câu làm chưa thật tốt, thậm chí còn sơ sài.

Trong biểu điểm của Bộ GD&ĐT, trước khi phân tích, bình giảng, ngay phần giới thiệu tác phẩm và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm cũng được 0,25 điểm, mà phần này chỉ cần viết vài dòng. Các em hãy chắc chắn từng chút điểm nhỏ như thế, bởi một bài văn có điểm cao bao giờ cũng được làm nên từ những điểm số nhỏ trong từng ý, từng câu như thế.

3. Vận dụng chính xác, linh hoạt, nhuần nhuyễn các kiểu bài, các kĩ năng và thao tác nghị luận

Đề bài văn đạt kết quả cao, cần vận dụng chính xác, linh hoạt, nhuần nhuyễn các kiểu bài, các kĩ năng và thao tác nghị luận. Các em nên tập trung rèn luyện năng lực trình bày tóm tắt 1 vấn đề văn học, năng lực cảm thụ văn học và các kiểu bài so sánh, phân tích, bình giảng văn học (nhất là phân tích văn xuôi và bình giảng thơ).

Đây là những kiểu bài thể hiện chất văn chương rõ nét nhất, và thường hay thi nhiều nhất. Các em cũng cần vận dụng nhuần nhuyễn các kiểu bài sau:

* Phương pháp làm các kiểu bài trình bày tóm tắt một vấn đề văn học.

* Phân tích văn học là kiểu bài nghị luận đem một hiện tượng văn học (tác phẩm, vấn đề) chia nhỏ ra thành từng bộ phận hay phương diện để xem xét từng phần rồi đem kết quả tổng hợp lại trong một kết luận chung.

Phân tích văn học là chỉ ra các giá trị nội dung, nghệ thuật qua các chi tiết cụ thể. Không cần và không thể phân tích mọi chi tiết. Chỉ cần chọn phân tích những chi tiết tiêu biểu nhất, nói lên tư tưởng quan trọng của nhà văn, phù hợp với chủ đề phân tích của đề bài.

Các kiểu bài phân tích văn học thường có trong đề thi là: Phân tích tác phẩm hoặc một đoạn tác phẩm, phân tích hình tượng nhân vật, phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật, phân tích các vấn đề văn học, phân tích chi tiết nghệ thuật và nhan đề tác phẩm.

* Bình giảng văn học (đề thi thường chỉ yêu cầu bình giảng thơ): là giảng giải, đánh giá, bình phẩm về nghĩa lí, ý tứ của bài văn, lời văn, giúp cho người đọc cảm thụ và đánh giá tác phẩm văn học một cách toàn vẹn.

Bình giảng văn học chỉ khám phá những điểm nút, những từ ngữ chìa khoá, những thi nhãn, những mạch ngầm để mở đường thưởng thức văn bản, chứ không che lấp hay thay thế văn bản nghệ thuật.

Khi bình giảng, cần chú ý tới những chỗ trông, chỗ lạ hoá, khác thường trong văn bản, đặc biệt là cách cấu tạo hình tượng, các chi tiết giàu ý nghĩa, các từ ngữ dùng đắt hoặc kết hợp đặc biệt.

Từ chỗ độc đáo đặc thù đó, tìm đến mạch lạc bên trong của bài thơ, bài văn, khám phá mối liên hệ không gian, thời gian, cách cảm nhận riêng của tác giả cũng như cấu tứ, bố cục của tác phẩm.

Khi bình giảng thơ, để hệ thống ý của bài văn được chặt chẽ, điều quan trọng nhất là phải hiện ra cấu trúc của đoạn thơ, bài thơ. Đối với các bài thơ, đoạn thơ có sử dụng hình thức lặp cấu trúc, liệt kê, điệp từ như Tâm tư trong tù, Việt Bắc, Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm thì khi bình giảng, để tránh bài viết lặp lại một cách nhàm chán, tuyệt đối không được bình từng dòng, mà phải nhóm các chi tiết, hình ảnh thành một hệ thống, rồi mới giảng và bình về hệ thống ấy.

Chẳng hạn 9 dòng đầu của đoạn thơ Đất nước (Nguyễn Khoa Điềm), có sự lặp đi, lặp lại của điệp khúc “Đất Nước đã có...”, “Đất Nước có trong...”, “Đất Nước bắt đầu...”, “Đất Nước lớn lên...”, “Đất Nước có từ...” cho thấy nhà thơ trầm tư suy ngẫm về thời điểm ra đời của Đất Nước (gồm các dòng 1,3,9), quá trình lớn lên (dòng 4) và phạm vi tồn tại của Đất Nước (dòng 2).

Vì vậy, khi bình giảng đoạn thơ này, cần chú ý nhóm các dòng thơ 1,3,9 thành một ý, dòng 4 là một ý và dòng 2 là một ý. Từ “ngày đó” là phép thế đại từ có ý nghĩa thay thế cho các dòng 5,6,7,8, nên để hiểu được ý nghĩa dòng thơ thứ 9, cần hiểu được các dòng thơ trước đó.

4. Mở bài và kết bài nhanh, ngắn

Đã là bài văn, dù dài hay ngắn, đều phải có mở và kết bài. Cần tập trung rèn luyện kỹ năng mở bài, kết bài để có thể mở bài thật nhanh, kết bài thật ấn tượng.

Không nên mất quá nhiều thời gian vào việc mở và kết bài, bởi mở bài giống như một chút rượu khai vị trước bữa ăn, còn kết bài giống một món tráng miệng, thân bài mới là bữa tiệc chính cần thưởng thức.

Nên mở và kết bài ngắn, tránh dài như bài làm văn học sinh giỏi, vì bài thi đại học gần với bài thi tốt nghiệp THPT hơn là bài thi học sinh giỏi.

Trong một bài thi đại học, với đề 3 câu, các em cần phải viết đủ 3 mở bài, 3 kết bài. Ở câu 2 điểm, nên mở và kết bài khoảng 2 - 3 dòng; câu 5 điểm, nên mở và kết bài khoảng 5 - 7 dòng; câu 3 điểm, nên mở và kết bài khoảng 3 - 4 dòng. Mỗi câu, nên mở và kết bài theo một cách riêng.

Có nhiều cách mở và kết bài, nhưng các cách mở bài gián tiếp thường hay hơn, nên mang lại điểm số cao hơn. Ví dụ, với đề văn phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ, có thể có nhiều cách để mở và kết bài:

- Mở bài 1: Vốn có tiền thân là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư”, truyện ngắn “Vợ nhặt” kết tinh tài năng phân tích tâm lí đặc sắc của Kim Lân, nhất là khi nhà văn thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ.

Kết bài 1: Thể hiện thành công diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ, Kim Lân đã bộc lộ tài năng nghệ thuật độc đáo và tư tưởng nhân đạo sâu sắc, mới mẻ, cảm động của mình.

- Mở bài 2: Suốt một đời cầm bút, Kim Lân chỉ để lại vẻn vẹn có 2 tập truyện ngắn là “Con chó xấu xí” và “Nên vợ nên chồng”. Nhưng trong văn chương, “quý hồ tinh, bất quý hồ đa”, nên chỉ riêng truyện ngắn “Vợ nhặt” đã là niềm ao ước của nhiều người cầm bút.

Ở thiên truyện này, diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ được nhà văn khắc họa vô cùng tinh tế và giàu ý nghĩa.

- Kết bài 2: Với tâm hồn của một nhà văn “thuần hậu”, “nguyên thủy”, “một lòng đi về với đất, với người” (Nguyễn Hồng), Kim Lân đã thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ vô cùng tinh tế, chân thực, và sâu sắc. Thành công ấy vừa chứng tỏ tài năng và bản lĩnh nghệ thuật độc đáo của nhà văn, vừa góp phần giúp cho “Vợ nhặt” trở thành niềm ao ước của nhiều người cầm bút.

- Mở bài 3: “Vũ trụ có nhiều kì quan, nhưng kì quan tuyệt diệu nhất vẫn là trái tim người mẹ” (B.Sô). Vẻ đẹp lớn lao kì vĩ của trái tim người mẹ và tình mẫu tử thấm thiết thiêng liêng cũng ngời lên trọn vẹn và sâu sắc qua diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

- Kết bài 3: Kim Lân đã thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ với tất cả nỗi nghẹn ngào, tình yêu thương và lòng mong mỏi của một người mẹ nhân từ, đồng thời thức tỉnh nơi tâm hồn mỗi người sức mạnh của tình nghĩa và đạo lí, cũng như ý nghĩa hạnh phúc lớn lao của tình mẫu tử thiêng liêng, đúng như một nhà văn từng khẳng định: “Sung sướng thay cho những ai có một bà mẹ nhân từ”.

Các mở và kết bài 1 là trực tiếp, mở và kết bài 2, 3 là gián tiếp. Phần in đậm và nghiêng chính là vấn đề, là nội dung mà đề bài yêu cầu phải giải quyết.

Chỉ cần bám sát yêu cầu của đề bài, cùng với cách diễn đạt khéo léo và một vài câu danh ngôn ý nghĩa, là các em có thể viết nên một mở bài theo kiểu gián tiếp vừa nhanh, ngắn, lại vừa đúng và hay.

Trong trường hợp quá bí, các em có thể lấy ngay việc nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm làm mở bài, tất nhiên phải nêu một cách thật khéo léo và tinh tế.

Quan trọng nhất là mở bài phải bám sát được yêu cầu của đề, giới hạn được nội dung và phạm vi của vấn đề cần giải quyết; kết bài cần phải khái quát lại và phát triển, nâng cao hơn vấn đề đã giải quyết ở thân bài. Không làm được điều đó, thì dù mở và kết bài có ngắn, nhanh và khéo léo đến đâu chẳng nữa cũng trở nên vô ích.

5. Tìm ý (luận điểm) nhanh, đúng, đủ và sắp xếp triển khai ý hợp lý

Bài văn hay, đạt điểm cao, thậm chí điểm tuyệt đối là bài văn có một hệ thống ý đầy đủ, sáng tạo, chặt chẽ, đáp ứng toàn diện yêu cầu của đề, được thể hiện qua một hình thức trình bày và diễn đạt chính xác, trong sáng, rõ ràng, tinh tế, khéo léo, có hình ảnh và cảm xúc.

Các giám khảo chấm văn cũng phải so sánh giữa hệ thống ý của bài văn và hệ thống ý mà Bộ đề ra trong đáp án và biểu điểm chấm thi để cho điểm. Vì vậy, khi giải quyết một đề văn, điều quan trọng nhất là phải tìm ra ý.

Thí sinh nào tìm được hệ thống ý đầy đủ hơn, sâu sắc và mới mẻ hơn, sắp xếp và trình bày ý mạch lạc, chặt chẽ hơn, thì bài làm của thí sinh đó có điểm số cao hơn.

Quá trình tìm ý (luận điểm) cho bài văn, thực chất là đi ngược lại quá trình sáng tác của nhà văn. Khi sáng tác, trước hết nhà văn có ý tưởng trong đầu, sau đó thể hiện ý tưởng ấy qua hệ thống hình tượng và thế giới nghệ thuật của tác phẩm, mà hệ thống hình tượng và thế giới nghệ thuật này lại được xây dựng từ các chi tiết nghệ thuật.

Ngược lại, khi làm văn, các em nên xuất phát từ chi tiết nghệ thuật để phân tích hệ thống hình tượng và thế giới nghệ thuật của tác phẩm, từ đó tìm ra ý (luận điểm) theo yêu cầu của đề bài. Khác với nhà văn, sau khi tìm ra ý, các em còn phải diễn đạt hệ thống ý đó thành một bài văn hoàn chỉnh.

Để tìm ra ý cần dựa vào yêu cầu của đề bài, kết hợp với kiến thức mà các em đã học, hoặc đã đọc. Sau khi đã tìm ra các ý, cần xác định xem ý nào là ý chính, có vai trò quan trọng, để tiến hành phân tích kĩ lưỡng; ý nào là ý phụ, chỉ cần phân

tích ngắn gọn hoặc lướt qua; cũng như mối quan hệ qua lại giữa các ý trong hệ thống, đồng thời sắp xếp ý theo một trình tự hợp lí và có ý nghĩa nhất.

Chẳng hạn khi phân tích nhân vật Huân trong “Mùa lạc”, cần làm nổi bật các ý và trình tự sắp xếp các ý như sau:

- Vẻ đẹp ngoại hình với nhiều nét hoàn mĩ tới lí tưởng.
- Tâm hồn nghệ sĩ tinh tế, tài hoa (thời tiêu, vẽ tranh, “tay hề đại tài”)
- Đẹp trai, có tài, nhưng Huân không kiêu ngạo, mà có tâm hồn nhân hậu, biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông.
- Trải qua năm tháng, chiến tranh, gian khổ, Huân có một tâm hồn trong sáng, nghị lực phi thường và lí tưởng sống cao đẹp.
- Không chỉ cao đẹp trong lí tưởng chung, nhiệm vụ chung, Huân còn hiện lên rất cao đẹp trong tình yêu riêng tư.
- Qua nhân vật Huân, Nguyễn Khải đã gửi gắm nhiều quan niệm riêng về con người và cuộc sống.

Xin nhắc lại rằng, nói như người xưa, ý là “bột”, bài văn là “hồ”, còn quá trình diễn đạt ý thành bài là “gột”. “Có bột mới gột nên hồ”.

6. Tư duy sắc, cảm nhận tinh tế

Năng lực tư duy sắc sảo, cảm nhận văn chương tinh tế và trình độ kiến thức chuẩn mực là điều kiện quan trọng để làm nên bài văn cao điễm.

- Tư duy trong bài văn phải rành mạch, trong sáng, chính xác, rõ ràng, tránh lan man dây cà ra dây muống (thể hiện ở cách triển khai hệ thống ý và cách kết cấu bài viết).

Tư duy phải sắc sảo, thông minh. Đề bài văn đạt kết quả cao, rất cần người viết khẳng định được bản lĩnh riêng, cá tính riêng, giọng điệu riêng của mình trước vấn đề mà đề bài yêu cầu giải quyết.

Ví dụ, các em hoàn toàn có quyền không tán thành với cách dùng từ “chưa” trong câu thơ “Nước những người chưa bao giờ khuất” của Nguyễn Đình Thi, bởi từ “chưa” chỉ bao quát được quá khứ và hiện tại, không bao quát được tương lai. Tất

nhiên, những suy nghĩ và cảm nhận riêng trong bài văn đều phải có căn cứ khoa học.

- Người viết phải tỏ ra nhạy cảm, sâu sắc và tinh tế trong năng lực cảm nhận văn chương. Hãy cảm nhận mỗi chi tiết, hình ảnh, ngôn từ của tác phẩm bằng tất cả trí tuệ, tình cảm, sự say mê và niềm tâm huyết của mình.

Chỉ những người học văn tâm thường mới hiểu chi tiết “Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ừng ực từng bát” là hành động uống rượu đơn thuần. Người học văn sâu sắc và nhạy cảm sẽ nhận ra rằng, cứ mỗi bát rượu, Mị như uống theo vào trong tâm hồn đau khổ của mình bao nhiêu nỗi tủi hờn, uất ức của cảnh làm dâu...

- Người làm văn phải biết cách huy động kiến thức, tài liệu vào một bài viết cụ thể. Kiến thức trong bài văn phải chuẩn mực, chính xác, đúng trọng tâm.

Kiến thức uyên bác, phong phú, có chọn lọc, mới mẻ, nhiều sáng tạo, có ý kiến riêng, thể hiện bản lĩnh và năng lực của người viết sẽ giúp cho bài văn có điểm số cao hơn.

Nên nhớ, “mỗi tác phẩm nghệ thuật, nhất là nghệ thuật ngôn từ, bao giờ cũng là một phát hiện về nội dung và một khám phá về hình thức”(Lêônít Lêônốp). Văn học là lĩnh vực của cái riêng, độc đáo, không lặp lại, phải “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có” (Nam Cao)... nên cần chỉ ra cái mới mẻ hoặc nét riêng độc đáo của tác phẩm, tác giả, của một giai đoạn, trào lưu, hay nền văn học.

Bài viết phải toát lên một năng lực riêng, bản lĩnh riêng của người viết. Trong văn chương, không có gì buồn hơn là lặp lại người khác và lặp lại chính mình. Khi làm văn, tuyệt đối không nên sao chép.

7. Tư duy lịch sử và so sánh

Tăng cường tư duy lịch sử và tư duy so sánh, liên tưởng để bài văn độc đáo và sâu sắc.

- Tư duy lịch sử thể hiện chủ yếu ở việc thấy được sự nối tiếp, kế thừa và sáng tạo của người đi sau đối với người đi trước, ngay khi viết về cùng một đề tài.

Chẳng hạn, cần chỉ ra sự kế thừa và sáng tạo của Xuân Diệu khi thể hiện đề tài và hình tượng mùa thu trong “Đây mùa thu tới” so với thơ ca truyền thống. Kiến thức

có hệ thống, sắp xếp theo đúng tiến trình lịch sử văn học cũng là một biểu hiện của tư duy lịch sử.

- Tư duy so sánh không chỉ thể hiện ở cái nhìn so sánh lịch đại mà còn ở việc so sánh tương đồng, tương phản, so sánh đồng đại. Chỉ có so sánh mới chỉ ra được sự khác biệt, nét độc đáo của tác phẩm văn học này so với tác phẩm văn học khác, nhân vật này so với nhân vật khác, tác giả này so với tác giả khác, cũng như sự kế thừa và sáng tạo trong văn học, thậm chí cả sự ổn định và biến đổi trong phong cách nghệ thuật của nhà văn.

Những so sánh tinh tế, sâu sắc và có cơ sở sẽ giúp bài văn có điểm cao hơn. Sau đây là một vài ví dụ so sánh của chúng tôi:

- Cùng chạy trốn trong một đêm tối trời tối đất, nhưng nếu chị Dậu trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố lâm vào bước đường cùng, thì nhân vật Mị trong “Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài lại có sự thay đổi số phận theo chiều hướng tươi sáng và tốt đẹp hơn. Đó là cái nhìn nhân đạo mà chỉ văn học sau cách mạng mới đạt được.

- Nếu lúc ngày tàn, tiếng trống thu không còn “vang xa để gọi buổi chiều”, thì trong đêm tối, tiếng trống cầm canh chỉ “đánh tung lên một tiếng ngân, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào bóng tối”. Thạch Lam đã cho thấy cái uy lực ghê gớm của một thứ bóng tối đang dựng thành hình khối, ngăn cản cả âm thanh...

- Trước Cách mạng, Nam Cao chỉ thấy người nông dân là những nạn nhân khốn khổ, đáng thương của hoàn cảnh (Lão Hạc...), hoặc vừa là nạn nhân, vừa là tội nhân (Chí Phèo), thì đến “Đôi mắt”, nhà văn đã phát hiện ra sức mạnh to lớn và tầm vóc lịch sử của người nông dân, khi thấy họ là động lực của cách mạng và lịch sử, là chủ nhân của hoàn cảnh, chủ nhân của đời mình.

- Tư duy lịch sử và tư duy so sánh, liên tưởng đòi hỏi tầm văn hoá, tầm kiến thức uyên bác về văn học, lịch sử, xã hội, địa lí, đời sống... của người học, và giúp tìm ra những khám phá, những sáng tạo mới mẻ trong văn học..

8. Tăng cường chiều sâu tư tưởng và lí luận

Để tăng cường chiều sâu tư tưởng cho bài văn, cần chú trọng khám phá những lớp ý nghĩa sâu sắc hơn, chìm lấp của văn bản nghệ thuật.

Mỗi tác phẩm văn học là cả một hệ thống ý nghĩa sâu sắc, mà chỉ những người có năng lực cảm thụ tinh tế, sắc sảo và vốn văn hóa sâu rộng mới có thể nhận ra.

Người học vẫn cần hiểu hết bảy phần chìm của “Tảng băng trôi” như O.Hemingway từng nói. Chẳng hạn, tùy bút “Người lái đò sông Đà” không chỉ ca ngợi những “vẻ đẹp vàng mười nơi tâm hồn con người vùng Tây bắc”, mà còn là bài ca về tư thế tự do và niềm tin vào khả năng chiến thắng của Con Người trong cuộc đọ sức muôn thuở với thiên nhiên, một thiên nhiên vừa là “cố nhân”, là bầu bạn, vừa như “kẻ thù số một” của con người.

Tác phẩm cũng góp phần giải phóng ý thức của con người khỏi “nỗi khiếp đảm vũ trụ, nỗi sợ thiên nhiên” như M.Bakhtin từng lưu ý. Tương tự như thế, cần thấy được chiều sâu ý nghĩa của các tác phẩm Ông già và biển cả, Hăm lét, Truyện Kiều... Đó là xu hướng học văn có chiều sâu, rất được đề cao hiện nay.

Lí luận văn học tồn tại dưới hai hình thức cơ bản:

- Lí luận nguyên lí là các khái niệm, nguyên lí, các vấn đề văn học được khái quát, đúc rút từ thực tiễn sáng tác văn học và các tác phẩm văn học. Người học văn cần nắm vững các nguyên lí lí luận văn học để việc phân tích, cảm nhận văn học được tinh tế, sâu sắc, chính xác và đáng tin cậy hơn.

- Lí luận vận dụng: Vận dụng các tri thức lí luận để khám phá tác phẩm văn học, các vấn đề văn học. Đây là hướng tiếp cận văn học rất có ưu thế của thi pháp học hiện đại.

Đề bài viết có chiều sâu lí luận, không nhất thiết cứ phải trích dẫn những lời lẽ của các nhà văn, hay nhà lí luận. Chiều sâu lí luận của bài viết còn thể hiện ở sự am hiểu của người viết về các đặc trưng và quy luật của văn học.

Chẳng hạn, khi phân tích nghệ thuật tả tượng La Hán của Huy Cận, phải chú ý đến giới hạn của chất liệu ngôn từ, để từ đó chỉ ra điểm mạnh của tài năng Huy Cận.

Hay khi viết về sự thể hiện tư tưởng “chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo” trong “Rừng xà nu”, chỉ cần nêu được luận điểm: trong văn học, mọi tư tưởng dù lớn lao sâu sắc đến đâu cũng phải hóa thân thành hình tượng nghệ thuật bão hòa cảm xúc.

Viết về cách sử dụng chi tiết nghệ thuật của Nam Cao, Thạch Lam, Tô Hoài, mà nêu được ý: Tài năng của một nhà văn lớn bao giờ cũng được làm nên từ những chi tiết nhỏ... thì bài viết đã có chiều sâu lí luận hơn nhiều.

9. Tăng cường tính chính xác và tư duy khoa học

Chỉ những người không hiểu gì về văn học và việc làm văn mới cho là văn chương lai láng, mơ mộng, càng dài càng tốt, muốn viết thế nào thì viết, thậm chí bịa ra văn.

Thực ra, một bài văn đạt điểm cao, là một bài viết kết hợp được tư duy khoa học chặt chẽ (như của một nhà toán học) với năng lực cảm thụ nghệ thuật tinh tế (như của một nhà phê bình tài hoa).

Văn học là một môn khoa học về nghệ thuật ngôn từ. Vì vậy, cần kết hợp vừa tăng cường chất văn vừa tăng cường tính chính xác trong bài văn, nhất là trong việc trích dẫn kiến thức và dẫn chứng. Lời răn của cụ Tú Xương ngày trước vẫn còn nguyên ý nghĩa: “Văn chương nào phải là đơn thuốc/Chớ có khuyển xằng, chết bỏ bu!”

Bên cạnh đó, việc hiểu rõ, nắm vững và sử dụng chính xác các khái niệm, các thuật ngữ văn học cũng giúp tăng cường tính chính xác của bài văn. Các em không nên sử dụng khái niệm, nếu như chưa hiểu rõ về nó.

Các em cần hiểu, phân biệt, và sử dụng chính xác các khái niệm: nhân đạo, nhân văn, nhân bản, nhân ái. Các em nên tìm hiểu, nắm vững và sử dụng thành thạo thêm các khái niệm: lãng mạn, hiện thực, tính dân tộc, tình huống truyện, thể thơ lục bát, hình thức lấy “Kiều”, lối thơ vắt dòng, giọng điệu văn chương, nhân vật trữ tình, tính sử thi..., cũng như phân biệt chính xác giữa tác giả lời nói với chủ thể lời nói, cảm hứng sáng tác và cảm hứng tư tưởng, nhân vật trữ tình và nhân vật trong thơ trữ tình...

10. Xây dựng đoạn văn chặt chẽ và chuyển ý khéo léo

Khi đã có “bộ” (hệ thống luận điểm hay còn gọi là hệ thống ý trong bài văn), các em cần “gột” (diễn đạt) nó thành “hò” (bài văn). Mỗi ý lớn cần được triển khai thành nhiều ý nhỏ, có phân tích, giảng giải, chứng minh, và được tổ chức thành một đoạn văn, sao cho khi các đoạn văn kết hợp với nhau sẽ tạo thành một bài viết hoàn chỉnh, đáp ứng toàn diện yêu cầu của đề bài.

Vì vậy, các em nên tự rèn luyện kỹ năng viết 1 ý thành đoạn văn, dưới nhiều hình thức như quy nạp, diễn dịch, tổng - phân - hợp... Sự kết hợp luân phiên của các đoạn văn với các hình thức khác nhau như thế, sẽ tránh cho bài văn khỏi sự lặp lại nhàm chán, đơn điệu.

Cũng cần xác định mức độ trình bày đối với mỗi ý. Trong bài văn đạt điểm cao, không phải mọi ý đều được trình bày với độ dài ngắn như nhau. Trái lại, ý nào

quan trọng, cần viết dài hơn, để triển khai kỹ lưỡng hơn; ý nào phụ, có thể trình bày ngắn gọn, bằng cách lướt qua, hoặc nêu tóm tắt.

Khi hết một ý, chuyển sang ý khác, cần có câu chuyển ý (chuyển đoạn). Câu chuyển ý rất quan trọng, đảm bảo cho ý văn liền mạch, thống nhất và nhuần nhuyễn, giống như các khớp xương nối các phần cơ thể với nhau.

Câu chuyển ý có chức năng khép lại ý đã viết xong và mở ra một ý mới, nên cần diễn đạt khéo léo.

Chẳng hạn, sau khi phân tích thân phận và cảnh ngộ khôn khổ của Mị, để chuyển sang phân tích diễn biến tâm trạng và sức sống tiềm tàng của Mị khi mùa xuân đến, có thể chuyển ý như sau:

“Một nghệ sĩ chân chính bao giờ cũng là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy” (Sêkhốp). Tấm lòng nhân đạo khiến Tô Hoài không thể nhẫn tâm dìm mãi cuộc đời Mị trong cái tăm tối, khôn cùng của một kiếp trâu, kiếp ngựa, kiếp rùa..., mà còn thôi thúc nhà văn thiết tha hướng về phía ánh sáng, phía sự sống để khơi lên niềm khát khao ham sống, ham hạnh phúc, tự do, và để khẳng định sức sống tiềm tàng nơi tâm hồn Mị.

11. Dẫn chứng hợp lý, bình dẫn chứng tinh tế

Bài văn đạt điểm cao không chỉ cần đủ ý, với các đoạn văn được xây dựng chặt chẽ, diễn đạt khéo léo..., mà còn cần có các dẫn chứng được trích dẫn chính xác, tiêu biểu, có chọn lọc, giàu sức thuyết phục, góp phần làm sáng tỏ và nổi bật hơn hệ thống ý của bài văn...

Không thể làm văn không có dẫn chứng, tuy vậy, không nên lạm dụng dẫn chứng, mà phải sử dụng một cách hợp lý, có chừng mực.

Bài văn không phải là sự liệt kê các dẫn chứng, hay liệt kê các chi tiết, hình ảnh từ tác phẩm. Cần tránh việc biến bài văn thành nơi kể lại tác phẩm một cách dờ dạc hơn nhiều so với những gì tác giả từng viết trong tác phẩm.

Trước khi nêu dẫn chứng, cần có lời dẫn, nghĩa là một lời giới thiệu khéo léo về dẫn chứng. Lời dẫn này nên kết hợp với lời bình, với cảm nhận của các em về dẫn chứng, để làm nổi bật ý của bài văn.

Chẳng hạn, có thể giới thiệu dẫn chứng như sau: Mị nhận ra âm thanh tiếng sáo gọi bạn yêu khi tiếng sáo còn ở rất xa: “Đầu núi đã lấp ló có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi

chơi”, nhưng cũng có thể giới thiệu hay hơn, khéo léo và tinh tế hơn khi viết: Khi tiếng sáo gọi bạn yêu “lấp ló” ở “đầu núi” cũng là khi khát vọng tình yêu, hạnh phúc, tự do đã “lấp ló” nơi tâm hồn Mị: “Đầu núi đã lấp ló có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi”.

Cũng có thể phân tích và bình giảng sau khi đã trích dẫn chứng, miễn là làm nổi bật được ý văn cần thể hiện. Năng lực tư duy và cảm thụ văn học của người viết, sự tinh tế, sâu sắc và điểm số của bài văn phụ thuộc rất nhiều vào việc phân tích chi tiết, hình ảnh và cảm nhận dẫn chứng của người viết.

Khi bình về dẫn chứng “Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng, bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng”, tùy theo năng lực mà người làm văn có thể chỉ ra 1, 2, hoặc 3, 4 ý nghĩa sau:

- Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm làm dâu, Mị có ý định thắp sáng thêm căn phòng u tối của mình.
- Người con dâu khốn khổ ấy như đã lấy chính ánh sáng của niềm khát khao ham sống, khát khao hạnh phúc tình yêu vừa bùng lên trong tâm hồn mình để tiếp thêm ánh sáng cho ngọn đèn le lói ở góc phòng.
- Đó cũng là hành động của sự tự thức tỉnh, khát khao thắp sáng cuộc đời mình.
- Nó gợi nhớ chi tiết nhân vật Tràng giơ cái chai dầu con con lên khoe với tất cả niềm hãnh diện, ngay giữa những ngày tối sầm lại vì đói khát trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

Hóa ra, ngay trong hoàn cảnh khốn cùng nhất, những người nông dân như Mị, như Tràng vẫn khát khao thắp lên ánh sáng của sự sống, của hi vọng, của niềm tin.

12. Tuân thủ nghiêm các nguyên tắc

Để đạt điểm cao, bài văn phải được trình bày sáng sủa, sạch đẹp. Vì vậy, trong quá trình triển khai ý làm bài, các em nên trình bày mỗi ý thành một đoạn văn, được phân biệt với nhau bởi các dấu chấm xuống dòng.

Khi xuống dòng, cũng nên viết chữ đầu tiên lùi vào 1/5 - 1/4 trang giấy, tính từ lề. Cách trình bày như thế vừa giúp bài văn sạch đẹp hơn, gây được thiện cảm của người chấm, các ý trong bài nổi bật hơn, người chấm không thể bỏ sót ý, nên bài văn có lợi hơn về điểm số.

Cần hết sức tránh việc dập xóa, để tránh cho bài làm không bị xấu và bẩn. Trong trường hợp bất khả kháng, bắt buộc phải bỏ phần vừa viết, cách tốt nhất và duy nhất là dùng thước kẻ gạch đè lên để bỏ đi, rồi viết tiếp. Chỉ gạch một nét, với độ đậm mực vừa phải, không ấn bút vì dễ làm rách giấy, hoặc làm xấu bài thi.

Các em tuyệt đối không được dùng bút xóa, vì dễ bị nghi là đánh dấu bài. Cũng không nên gạch bằng tay, không nên dùng các móc ngoặc để đánh dấu đoạn văn bỏ đi, và viết thêm chữ “sai” hay “bỏ” ở bên cạnh như các em quen làm.

Diễn đạt là quá trình vô cùng quan trọng, sánh ngang với việc tìm ý cho bài văn. Nếu “gột” không khéo, không đúng, thì dù “bột” đã được chuẩn bị tốt đến đâu, cũng có nguy cơ trở thành “bánh đúc”, thậm chí “cám lợn” chứ không phải thành “hồ” như mong muốn.

Không có ý, thì không có gì để viết, nhưng có ý đầy trong đầu, mà không biết cách nói ra, thì ý dù hay và sâu sắc đến đâu cũng trở nên vô nghĩa. Diễn đạt là quá trình “gột” để “bột” thành “hồ”, quá trình làm cho những ý tưởng trừu tượng, lớn lao biến thành lời văn cụ thể, tràn đầy hình ảnh và cảm xúc, nghĩa là biến bộ xương ý tưởng thành một cơ thể sống động, có da có thịt, có sự sống, có linh hồn.

Do thói quen xấu và do không được uốn nắn, sửa chữa từ các cấp dưới, nhiều thí sinh dự thi đại học vẫn viết sai chính tả, vẫn viết câu văn què cụt, không có chủ ngữ, vị ngữ, hoặc nhầm lẫn giữa các thành phần câu, nghĩa là chưa nói thông viết thạo tiếng Việt. Đây là lỗi thường bị trừ điểm rất nặng trong các bài văn.

Cũng cần tránh các kiểu diễn đạt mập mờ, dễ gây hiểu nhầm cho người đọc, kiểu “Chị Dậu bảo với người nhà lí trưởng: Mày đánh chồng bà đi, bà cho mày xem. Rồi chị cho chúng nó xem thật!”.

Vì vậy, trước hết, các em cần phải rèn luyện cho mình một cách diễn đạt đúng, nghĩa là nói và viết đúng ngữ pháp. Nếu chưa giỏi diễn đạt, hãy viết các câu văn ngắn, giản dị, ít thành phần câu, tránh cầu kì, rườm rà vì dễ mắc lỗi ngữ pháp.

Khi đã diễn đạt đúng, mới tiến dần lên tập luyện để diễn đạt hay hơn, khéo léo, tinh tế hơn. Kỹ năng diễn đạt này sẽ rất cần thiết cho các em trong cuộc sống hàng ngày, trong quan hệ, giao tiếp, kể cả các giao dịch kinh tế sau này.

Ngồi sau xe mô tô của một chàng trai đang phóng rất nhanh trên đường, một cô gái diễn đạt tầm thường sẽ nói: “Sao anh đi như thằng điên thế?”, một cô gái diễn đạt khéo hơn có thể nói “Chậm thôi anh, đi nhanh thế, em sợ lắm”, còn một cô gái

luôn lo lắng cho chàng trai và diễn đạt tinh tế hơn sẽ nói: “Chậm thôi anh, đi nhanh thế, nhớ ra anh bị làm sao, thì em sống làm sao nôi?”

Qua một ví dụ đời thường như thế, chắc các em đủ hiểu về tầm quan trọng và hiệu quả của kỹ năng diễn đạt, cũng như ý nghĩa của môn văn trong việc rèn luyện kỹ năng sống cho mỗi người. Giống như mọi ngành nghề thuật khác, văn học cũng cần phải diễn đạt hay, cần sử dụng linh hoạt các kiểu câu khi diễn đạt, sử dụng linh hoạt các hình ảnh, các phép tu từ, chuyển nghĩa để lời văn có cảm xúc và chất văn. Lời văn phải trau chuốt, uyển chuyển, có giọng điệu riêng. Nhiều khi chỉ thay đi vài chữ là câu văn đã hay hơn, sâu sắc hơn.

Chẳng hạn, thay cho cách viết “Bài thơ Các vị La Hán chùa Tây phương được in trong tập Bài thơ cuộc đời của Huy Cận”, hãy viết “Bài thơ Các vị La Hán chùa Tây phương là một trong những Bài thơ cuộc đời của Huy Cận”. Cách viết thứ hai không chỉ nêu được xuất xứ mà còn đánh giá được tầm vóc và vị trí của bài thơ đối với đời thơ Huy Cận.

Thay cho cách diễn đạt “Sức sống của Mị hồi sinh mạnh mẽ khi mùa xuân đến”, hãy tìm một cách diễn đạt có hình ảnh và cảm xúc hơn, chẳng hạn “Như một mầm cây ngủ quên lâu ngày trong đất, gặp hơi ấm của mùa xuân, sức sống nơi tâm hồn Mị bỗng tựa mình tỉnh giấc và vươn mình trời dậy”.

Các em nên học cách diễn đạt của nhà phê bình Hoài Thanh trong “Thi nhân Việt Nam”. Nói về chất cổ điển của “Tràng giang”, ông viết: “Huy Cận đã khơi lại cái mạch sâu mấy nghìn năm vẫn ngấm ngấm trong cội đất này”. Diễn đạt đúng ngữ pháp, khéo léo, tinh tế, có hình ảnh và cảm xúc sẽ giúp bài văn có chất văn và đạt điểm cao.

Chữ viết đẹp, rành mạch, sáng sủa, đúng chuẩn mực chính tả cũng là một lợi thế để bài văn có điểm cao hơn. Các em nên rèn luyện chữ viết của mình, nếu không được đẹp, cũng cần phải viết cho rõ ràng, ngay ngắn, đúng chính tả.

Tuyệt đối không được viết tắt, viết thiếu nét, thiếu dấu, viết hoa tự do (chỉ viết hoa tên riêng, hoặc sau khi chấm câu), viết ngọng (như nhầm lẫn giữa l và n, x và s, ch và tr...).

Chỉ cần 5 lỗi chính tả hoặc 1 lỗi chính tả lặp lại 5 lần, bài làm có thể đã bị trừ mất 0,5 điểm.

13. Phân bố thời gian làm bài hợp lý

Theo yêu cầu của đề thi đại học, cao đẳng, cũng như thi tốt nghiệp hiện nay, trong thời gian 180 phút, các em phải viết 3 bài văn nhỏ, đáp ứng được đầy đủ, toàn diện, sâu sắc và tinh tế yêu cầu của 3 câu hỏi trong đề thi.

Trong thực tế, nhiều em có kiến thức tốt, vẫn không đủ thời gian để làm bài. Vì vậy, việc sử dụng và phân bố thời gian làm bài thông minh và hợp lý là điều có ý nghĩa rất quan trọng.

Các em nên tận dụng thời gian làm bài ngay khi nhận được đề thi mà không nên chờ đến khi cò trống tính thời gian làm bài, đồng thời phải tận dụng thời gian làm bài đến tận phút cuối cùng. Chỉ cần bỏ phí khoảng 10 phút, có thể các em đã nhường lại cơ hội vào đại học cho người khác.

Các em cần hết sức lưu ý đến điểm số của từng câu (hoặc từng phần) được ghi trong đề thi, để từ đó, chủ động phân chia thời lượng, giấy mực... cho từng câu một cách hợp lý.

Tránh tình trạng đầu tư quá nhiều thời gian và sức lực cho câu có điểm tối đa thấp. Cần tận dụng từng giây phút, tránh tình trạng không đủ thời gian để làm bài.

Khi làm bài, câu I, thường 2 điểm, các em chỉ được làm trong khoảng thời gian tối đa 36 phút, câu II, thường 5 điểm, làm trong khoảng thời gian 90 phút, câu IIIa và IIIb, thường 3 điểm làm trong khoảng thời gian 54 phút.

Nhưng tôi khuyên các em chỉ nên làm câu I trong khoảng thời gian 20 phút, vì câu này thường đơn giản, chỉ cần nắm chắc kiến thức cơ bản là có thể giải quyết đầy đủ và đạt điểm tối đa. Số thời gian còn lại, nên dành thêm cho câu II, vì trong thực tế, câu này thường khá khó và dài, phần lớn thí sinh không thể làm trọn vẹn trong 90 phút.

Phần mở và kết bài cho từng câu cũng cần được viết trong khoảng thời gian thật ngắn. Trong thực tế, nhiều thí sinh ngồi cắn bút đến 15 - 20 phút, thậm chí nhiều hơn, vẫn chưa viết xong mở bài, vậy thì đối với ngay cả câu 5 điểm (thời gian cho phép làm bài là 90 phút), cũng làm sao đủ thời gian để viết mở bài và kết luận?

Các em nên luyện tập để có thể mở bài, kết bài cho từng câu trong khoảng thời gian từ 5 - 7 phút. Như thế mới có đủ thời gian để triển khai ý sâu sắc và đầy đủ cho phần thân bài.

Cũng không nên viết nháp bài văn rồi chép lại, vì như thế sẽ không bao giờ đủ thời gian. Các em chỉ nên vạch ra các ý chính thông qua các gạch đầu dòng, hoặc theo

hình nhánh cây, và cân nhắc trình tự sắp xếp các ý cho chặt chẽ, rồi lựa chọn cách diễn đạt và viết ngay thành lời văn vào giấy thi.

Trong trường hợp có chỗ nào sai, nên dùng thước kẻ gạch đè lên để bỏ đi, rồi viết tiếp, mà không nên thay giấy thi (nếu không phải là những dòng đầu tiên của bài làm, hoặc của tờ giấy thi), vì việc điền lại các thông tin cá nhân trên phách và chép lại phần bài đã làm sẽ mất rất nhiều thời gian.

Nên dành khoảng 4 - 5 phút cuối cùng của 180 phút làm bài thi, để đọc lại bài làm, rà soát các lỗi sai, nhất là lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp..., sau đó hãy nộp bài.

14. Rèn luyện để tăng tốc độ viết

Như các em đã thấy, dù cấu trúc như nhau, nhưng mức độ của đề thi đại học khó hơn nhiều so với đề thi tốt nghiệp. Về cơ bản, bài văn thi đại học có thể làm tương tự như bài thi tốt nghiệp, nhưng mức độ và chất lượng phải cao hơn, kiến thức phải sâu hơn, tư duy chặt chẽ hơn và diễn đạt cũng phải tinh tế, uyển chuyển hơn.

Mọi yêu cầu của đề đều cần giải quyết trong vòng 180 phút, nên nhiều thí sinh không đủ thời gian để làm bài. Mặt khác, đề thi cũng ngày một dài hơn.

Trước đây, câu 3 điểm (làm trong 54 phút), thường chỉ yêu cầu bình giảng 4 dòng thơ, nhưng đề thi khối C, năm 2007, yêu cầu bình giảng tới 10 dòng. Câu 3 điểm trong đề khối D, năm 2007, trước đây thường được cho với yêu cầu 5 điểm (làm trong 90 phút). Vì vậy việc tăng tốc độ viết để có đủ thời gian làm bài là điều rất cần thiết.

Những thí sinh viết nhanh, viết đẹp... rõ ràng có lợi thế hơn. Các em nên luyện tập ngón tay và khuỷu tay, để tránh bị mỏi tay khi viết bài, đồng thời luyện viết thường xuyên để viết nhanh, chữ viết rõ ràng, sạch đẹp hơn.

Các em có thể lấy 1 đề văn thi đại học bất kì, trung thực và nghiêm túc làm bài trong 180 phút, không dùng bất cứ tài liệu nào, tự kiểm tra xem khả năng làm bài và tốc độ viết của mình đã hợp lí chưa, để có phương án điều chỉnh.

Cần lưu ý rằng, điều kiện đầu tiên để tốc độ viết văn nhanh hơn là các em phải luôn làm chủ kĩ năng và kiến thức, phải chuẩn bị sẵn sàng và đầy đủ kiến thức trong đầu.

Trình bày những điều trên đây, chúng tôi hi vọng ít nhiều giúp ích cho các em trong quá trình ôn tập và làm bài. Hãy luôn nhớ rằng trên con đường thành công

không có bước chân của kẻ lười biếng và “tất cả những gì tốt đẹp nhất, chỉ có thể có được khi chúng ta chịu trả giá bằng một nỗi đau khổ vĩ đại” (Colin Mackenzie).

Nếu kiên nhẫn rèn luyện, nỗ lực học tập một cách thông minh và có phương pháp, chỉ cần một thời gian ngắn, chắc chắn các em sẽ có bài văn đạt điểm cao trong kì thi tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Chúc các em thành công!